

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 11/7/2024

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Ông Hoàng Văn Thanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Ma Thị Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Thọ, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Thọ, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hoàng Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Hoàng Văn H có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 19/7/2018. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống tại thôn Thọ, xã P, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận, chỉ có những mâu thuẫn thông thường, nhưng đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được về việc làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi

vã và cũng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T xác định, chị và anh Hoàng Văn H có 02 con chung, cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 và cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2019. Khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia B, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Quốc V. Do từ khi vợ chồng sống ly thân chị đưa cháu B về nhà bố mẹ đẻ chị sống, cháu B ở với chị từ đó đến nay; cháu V do anh H nuôi dưỡng, 2 bố con ở cùng bố mẹ đẻ anh H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Hoàng Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Hoàng Văn H không đến Toà án để làm việc, Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Kết quả xác minh tại thôn Thọ, xã P, huyện H đối với bà Tạ Thị N, Trưởng thôn Thọ thể hiện: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H có đăng ký hộ khẩu và có nơi cư trú tại thôn Thọ, xã P, huyện H; Chị T và anh H có quan hệ vợ chồng hợp pháp, kết hôn từ năm 2018, sau khi kết hôn anh H và Chị T chung sống cùng gia đình anh H, sau đó ở nhà riêng bên cạnh nhà của bố mẹ đẻ anh H. Năm 2022 thôn có nắm được anh H và Chị T có mâu thuẫn do ghen tuông, đến năm 2023 thì Chị T đưa theo đứa con lớn của anh chị về nhà mẹ đẻ ở xã M, huyện H sống. Từ đó đến nay anh H và Chị T không còn chung sống với nhau nữa. Chị T và anh H có 02 con chung, cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 và cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2019; cháu B được Chị T đưa về bên ngoại nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân, cháu V ở cùng anh H, những lúc anh H đi làm thì bố mẹ đẻ anh H trông nom giúp, cháu V được chăm sóc và được đi học đầy đủ. Chị T và anh H không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Anh H hiện nay đang đi làm ăn xa, tháng về 2, 3 lần nhưng thường chỉ về vào ngày nghỉ, lễ, tết.

Kết quả xác minh đối với bà Hoàng Thị L, là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn H: Bà L xác định Chị T và anh H kết hôn từ năm 2018, có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn gia đình bà làm nhà cho anh chị ở riêng trên đất của vợ chồng bà, nhà ở sát cạnh nhà bà. Năm 2022 thì anh H và Chị T xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, ghen tuông, thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2023 thì Chị T đưa cháu V là con chung của Chị T và anh H về nhà bố mẹ đẻ Chị T ở xã M sống, từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Chị T và anh H có 02 con chung, cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 và cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2019; từ khi anh H và Chị T sống ly thân, cháu B theo Chị T về nhà bố

mẹ đẻ Chị T sống, do Chị T nuôi dưỡng, cháu V ở với anh H, do anh H nuôi dưỡng, anh H đi làm ăn lúc vắng nhà gửi vợ chồng bà trông nom, chăm sóc, cháu V được nuôi dưỡng, chăm sóc và được đi học đầy đủ. Chị T và anh H không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Gia đình có nhận được các văn bản Tòa án gửi, có báo cho anh H nhưng do đi làm xa, chỉ được nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần và lễ, tết nên anh H không về được.

Kết quả xác minh đối với ông Lý Văn Trường, bố đẻ của chị Hoàng Thị T: Ông Trường xác nhận Chị T và anh H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh chị chung sống có mâu thuẫn, từ đầu năm 2023 đến nay Chị T đưa 01 con chung với anh H về nhà ông ở, vợ chồng anh chị sống ly thân. Cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24/4/2017 là con chung của Chị T và anh H, từ khi vợ chồng sống ly thân Chị T nuôi dưỡng cháu B, hàng ngày đi làm Chị T gửi vợ chồng ông trông nom, chăm sóc, cháu B được đi học đầy đủ; cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15/6/2019 cũng là con chung của Chị T và anh H, khi vợ chồng anh chị ly thân cháu V ở với anh H, do anh H nuôi dưỡng. Về tài sản, vay nợ chung của Chị T và anh H ông không nắm được.

Cháu Hoàng Gia B trình bày ý kiến: Khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H. Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017, là con chung của Chị T và anh H cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2019, là con chung của Chị T và anh H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H và Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu; Chị T anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Văn H không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Hoàng Thị T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 19 tháng 7 năm 2018. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, từ năm 2021 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, xử cho Chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H có 02 con chung, cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017; cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu B ở cùng Chị T, do Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, thời gian Chị T đi làm gửi cháu B cho ông bà ngoại chăm sóc hộ; cháu B được đi học và có điều kiện sống đảm bảo; cháu B có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ; Chị T đề nghị sau khi giải quyết ly hôn chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hoàng Quốc V, từ khi vợ chồng Chị T anh H sống ly thân, cháu V ở với anh H, do anh H nuôi dưỡng, thời gian anh H đi làm cháu V được gửi cho ông bà nội chăm sóc hộ, cháu V được đi học và được chăm sóc đảm bảo. Do vậy, giao cháu Hoàng Gia B cho Chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Hoàng Quốc V cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh H Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu; anh H Chị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; sau khi ly hôn các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị T xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; anh Hoàng Văn H quá trình giải quyết không đến Tòa án làm việc; kết quả xác minh tại gia đình và địa phương đều thể hiện Chị T anh H không có tài sản chung, vay nợ chung; Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn H không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo gọi, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con

chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị T và anh H, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh H không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Toà án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

Chị Hoàng Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, việc xin vắng mặt tại phiên toà của Chị T là quyền được pháp luật quy định đối với các đương sự.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp. Anh Hoàng Văn H không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 19 tháng 7 năm 2018 cho chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc; giao cháu Hoàng Quốc V, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2019 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Anh H Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000573 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nộp qua Công dịch vụ công Quốc gia ngày 01 tháng 4 năm 2024). Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Kim Duyên - Trần Thị Vân Anh

Lương Thanh Huyền

